

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KIỂM SOÁT VÀ CƠ CHẾ PHÁP LÝ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

Việc tổ chức, hoạt động và kiểm soát quyền lực nhà nước không ngừng được hoàn thiện trong Hiến pháp và pháp luật, nhờ vậy, quyền làm chủ của Nhân dân đã ngày càng được phát huy, sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước thu được nhiều thắng lợi. Tuy vậy, bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta cũng thấy rằng, trong quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành còn khá nhiều hạn chế, bất cập liên quan đến tổ chức, hoạt động và kiểm soát quyền lực nhà nước. Trước thực trạng công tác kiểm soát quyền lực nhà nước chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế và kém hiệu quả, Hiến pháp Việt Nam năm 2013 đã khẳng định nguyên tắc “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Như vậy, vấn đề “kiểm soát quyền lực nhà nước” đã được bổ sung, khẳng định tầm quan trọng hơn bao giờ hết của việc kiểm soát quyền lực nhà nước hiện nay.

1. Kiểm soát quyền lực nhà nước

1.1. Sự cần thiết phải kiểm soát quyền lực nhà nước

Sự cần thiết phải kiểm soát quyền lực nhà nước có nhiều lý do khác nhau, mỗi người có cách tiếp cận và quan điểm khác nhau. Song, thông thường được lý giải bởi những lý do cơ bản sau:

Quyền lực được xem là khả năng của cá nhân hay tổ chức có thể buộc các cá nhân hay tổ chức khác phải phục tùng ý chí của mình. Quyền lực luôn tồn tại trong những mối quan hệ cụ thể (quan hệ quyền lực) ở đó, chủ thể quyền lực nhờ vào khả năng nào đó của mình mà buộc đối tượng quyền lực phải phục tùng, chịu sự sai khiến của mình. Quyền lực nhà nước được xem là khả năng của nhà nước để buộc các cá nhân, tổ chức trong xã hội phải phục tùng Nhà nước.

Quyền lực nhà nước luôn thể hiện trong các mối quan hệ nước không được tổ chức và thực hiện đủ mạnh nó sẽ không có hiệu lực hoặc có hiệu lực thấp, nghĩa là, chủ thể quyền lực không ban hành được mệnh lệnh hoặc mệnh lệnh của họ ban hành không được thực hiện nghiêm chỉnh, chính xác và triệt để. Trong những trường hợp như vậy chủ thể quyền lực trên thực tế không đủ hoặc

không có quyền lực trên thực tế hoặc như người ta vẫn nói, chủ thể có quyền nhưng không có lực. Quyền lực nhà nước chỉ thực sự có hiệu lực, hiệu quả khi chủ thể nắm giữ quyền lực được trao cho những quyền và những biện pháp khen thưởng và trừng phạt đủ sức để răn đe đối với chủ thể bị cầm quyền. Cùng với việc quyền lực được tập trung đủ mạnh để nâng cao hiệu lực, hiệu quả sử dụng quyền lực nhà nước của chủ thể nắm giữ quyền lực thì cũng phải thiết lập cơ chế kiểm soát cần thiết đối với chủ thể nắm giữ quyền lực. Về mặt nguyên tắc tất cả các chủ thể nắm giữ và thực hiện quyền lực nhà nước (tất cả các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước) đều phải bị giám sát một cách chặt chẽ. Bởi, quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, xuất phát từ Nhân dân, do Nhân dân ủy quyền cho Nhà nước, nhưng nó không phải do toàn bộ Nhân dân thực hiện mà chỉ do một số người thay mặt Nhân lực nhà nước xuất phát từ:

Một là, nhu cầu của các chủ thể quyền lực nhà nước luôn muốn đặt quyền lực nhà nước dưới quyền hành của mình, họ cần có được những thông tin cần thiết về việc tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước để xem nó có được tổ chức và thực hiện đúng với mục đích mà các chủ thể đề ra và có hiệu quả hay không trong việc đáp ứng những lợi ích của mình. Quyền lực nhà nước là quyền lực công, nó hình thành từ xã hội để phục vụ lợi ích của xã hội, bao gồm lợi ích của lực lượng thống trị xã hội và lợi ích của cả xã hội nên nó phải được kiểm soát từ giai cấp thống trị xã hội và từ xã hội, nghĩa là, vừa được cấp thống trị kiểm soát, vừa được cả xã hội kiểm soát. Lực lượng thống trị xã hội cần kiểm soát quyền lực nhà nước để biết chắc chắn rằng quyền lực nhà nước đã, đang và sẽ tiếp tục chủ yếu bảo vệ lợi ích, mang lại lợi ích cho giai cấp thống trị xã hội, thực hiện đúng và hiệu quả những mục tiêu mà họ đề ra trên thực tế. Không chỉ giai cấp thống trị mong muốn kiểm soát mà cả xã hội cũng muốn kiểm soát quyền lực nhà nước, bởi ngoài lợi ích của giai cấp thống trị thì quyền lực nhà nước còn có trách nhiệm duy trì sự tồn tại và phát triển của cả xã hội, nói cách khác, quyền lực nhà nước còn mang lại lợi ích cho cả xã hội. Trong xã hội hiện đại, dù Nhà nước được thành lập bằng cách nào thì quyền lực nhà nước cũng được xem là thuộc về Nhân dân, xuất phát từ Nhân dân và phải phục vụ lợi ích của Nhân dân, nghĩa là, Nhân dân phải là chủ thể của quyền lực nhà nước. Nhân dân ủy quyền cho Nhà nước, nói cách khác, Nhân dân thành lập Nhà nước để thực hiện quyền lực nhà nước, do vậy, quyền lực nhà nước cần phải được cả xã

hội kiểm soát nhằm bảo đảm cho quyền lực nhà nước được các tổ chức và cá nhân thực hiện đúng các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Hai là, chủ thể quyền lực nhà nước cần theo dõi, phát hiện và có biện pháp ngăn chặn những sai trái khi tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước trên thực tế.

Mặt khác, quyền lực nhà nước trong quá trình được tổ chức và thực hiện luôn có xu hướng bị tha hóa, nghĩa là, nó thường bị các chủ thể nhận ủy quyền (chủ thể trực tiếp thực hiện quyền lực nhà nước) lạm dụng, lợi dụng vì những mục đích không còn như trạng thái nguyên thủy quyền lực nhà nước được hình thành và được ủy quyền. Sự tha hóa của quyền lực nhà nước có thể do rất nhiều những nguyên nhân khác nhau từ cơ chế hình thành và vận hành (quyền lực đó hình thành từ đâu và bằng cách nào hay nguồn gốc của quyền lực; quyền lực đó do ai nắm giữ; cách thức nắm giữ quyền lực; mục đích của việc nắm giữ quyền lực; đối tượng của quyền lực; cách thức thực hiện quyền lực; bảo đảm của quyền lực; xu hướng phát triển và chuyển hóa của quyền lực, sự kiểm soát quyền lực...).

Các cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước có thể lợi dụng việc nắm giữ và thực hiện quyền lực nhà nước để vụ lợi. Chẳng hạn, do có được những thông tin, những quyền hạn mà những chủ thể khác không có được nên các chủ thể trực tiếp mang và thực hiện quyền lực nhà nước có thể tạo ra những lợi ích cho riêng họ hay cho những người khác trong các mối quan hệ lợi ích của họ, làm ảnh hưởng đến lợi ích chung. Các chủ thể trực tiếp mang và thực hiện quyền lực nhà nước có thể vì tham vọng của mình hoặc những lý do không chính đáng khác nên có thể sẽ đưa ra những chính sách, những quy định không đúng hoặc không thực hiện đúng những quy định đã được thỏa thuận, đã được ban hành.

Ba là, việc kiểm soát quyền lực nhà nước còn xuất phát từ nhu cầu của chính những chủ thể nắm giữ và thực hiện quyền lực nhà nước để giảm nhẹ hoặc quản lý những rủi ro và giúp cho các hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước của họ hiệu quả hơn, đạt được các mục tiêu mong muốn. Các chủ thể được ủy quyền thực hiện quyền lực nhà nước thường không muốn bị kiểm soát, song ở một phương diện khác, họ cũng muốn bị kiểm soát để chứng tỏ quyền lực nhà nước đã được tổ chức và thực hiện đúng với mong muốn và quy định của chủ thể có quyền lực, đồng thời họ cũng muốn thông qua hoạt động kiểm soát để tranh thủ sự ủng hộ, sự đồng tình, giúp đỡ của chủ thể quyền lực nhà nước đối

với các hoạt động của họ. Quyền lực nhà nước không chỉ quan trọng mà còn rất phức tạp, việc thực hiện nó liên quan đến lợi ích của rất nhiều tổ chức và cá nhân khác nhau trong xã hội nên trong quá trình tổ chức và thực hiện không tránh khỏi những nhận thức không đúng đối với hoạt động của các cơ quan, nhân viên nhà nước, những xung đột rất khó giải quyết nên rất cần phải có cơ chế kiểm soát để các cơ quan, nhân viên nhà nước tự kiểm soát mình và yêu cầu các tổ chức, cá nhân có lợi ích liên quan kiểm soát để tránh những xung đột, tranh cãi không đáng có;

Bốn là, việc kiểm soát quyền lực nhà nước còn nhằm để quyền lực nhà nước được tổ chức, thực hiện ngày càng khoa học, hiệu quả hơn vì lợi ích của con người. Trên thực tế, thông qua việc kiểm soát quyền lực nhà nước con người mới kiểm nghiệm được việc mình tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước như vậy đã khoa học và hiệu quả hay chưa, cần thay đổi những gì để quyền lực nhà nước thực sự là của Nhân dân, thực sự mang lại lợi ích cho Nhân dân, quản lý, tạo điều kiện cho xã hội phát triển nhanh và bền vững vì hạnh phúc con người.

2. Cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước

Quyền lực là hiện tượng phổ biến trong giới tự nhiên và xã hội, trong đó quyền lực nhà nước là vô cùng quan trọng, việc tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước sao cho có hiệu quả luôn là đối tượng nghiên cứu của nhiều khoa học trong quá khứ, trong hiện tại cũng như trong tương lai. Việc thực hiện quyền lực nhà nước thường dễ bị tha hóa, hiệu lực và hiệu quả không cao, ảnh hưởng không tốt đến đời sống nhân dân và sự phát triển của đất nước, do vậy, cần phải thường xuyên kiểm soát quyền lực nhà nước. Việc kiểm soát quyền lực nhà nước được thực hiện bởi nhiều chủ thể khác nhau, thông qua nhiều hình thức, nhiều phương tiện với những nội dung và quy trình kiểm soát khác nhau ở các thời điểm khác nhau.

Việc kiểm soát quyền lực nhà nước có thể được tiến hành từ bên ngoài, cũng có thể từ bên trong; có thể kiểm soát công khai, kiểm soát ngầm; kiểm soát gián đoạn, kiểm soát liên tục; có thể giản đơn, có thể phức tạp thông qua cơ chế kiểm soát. Với mỗi quốc gia việc kiểm soát và tổ chức thực hiện việc kiểm soát quyền lực nhà nước rất khác nhau, tạo nên những cơ chế kiểm soát khác nhau đối với quyền lực nhà nước.

Cơ chế là một thuật ngữ có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, tùy vào hoàn cảnh và lĩnh vực. Cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước được hiểu là một chỉnh thể gồm tất cả các thể chế và các thiết chế trong xã hội có liên quan đến việc kiểm soát quyền lực nhà nước, gắn kết chặt chẽ với nhau, cùng vận hành nhằm bảo đảm cho quyền lực nhà nước được tổ chức, thực hiện đúng mục đích và hiệu quả. Tồn tại nhiều cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước như cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước của Nhà nước (các cơ quan nhà nước); cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước của Nhân dân (các tổ chức và cá nhân không phải Nhà nước)... Với quan niệm như trên cho thấy, cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước có những đặc điểm cơ bản sau:

Cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước là một chỉnh thể gồm các thể chế pháp lý và thiết chế có liên quan đến việc kiểm soát quyền lực nhà nước. Từ quan niệm trên cho thấy, cơ chế được hình thành từ các thể chế pháp lý là Hiến pháp, pháp luật, các thiết chế do Nhà nước và xã hội tổ chức liên quan đến việc kiểm soát quyền lực nhà nước. Các thiết chế và thể chế pháp lý đó luôn có sự tương tác với nhau, nhằm đạt được những mục đích của việc kiểm soát quyền lực nhà nước bởi các cơ quan nhà nước và xã hội.

Cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước là do các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội, Nhân dân tiến hành trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật. Trong các cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước thì cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước của các cơ quan nhà nước được xem là hiệu quả hơn cả trong giai đoạn hiện nay. Nếu các cơ chế kiểm soát khác là phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước của các chủ thể không phải Nhà nước thường được gọi là cơ chế kiểm soát bên ngoài, thì cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước của các cơ quan nhà nước là phương thức kiểm soát bên trong. Pháp luật là yếu tố không thể thiếu trong cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước, trong đó quy định rất chặt chẽ, chính xác các chủ thể có thẩm quyền kiểm soát quyền lực nhà nước, đối tượng, nội dung, hình thức, quy trình, hậu quả pháp lý... của việc kiểm soát.

Trong cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước, nguyên tắc pháp chế luôn được đề cao, nó đòi hỏi tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện quyền lực nhà nước phải nghiêm chỉnh thực hiện các quy định pháp luật về kiểm soát quyền lực nhà nước trong tổ chức cũng như trong hoạt động.

Từ kết quả kiểm soát quyền lực nhà nước có được, các cơ quan nhà nước có thể đưa ra và lựa chọn được những phương án tối ưu trong tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước nhằm đạt tới một kết quả tốt nhất trong hoạt động.

Cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước rất phức tạp. Quyền lực nhà nước được thực hiện chủ yếu và thường xuyên thông qua bộ máy nhà nước, mà bộ máy nhà nước gồm rất nhiều các cơ quan có vị trí, tính chất, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau, được tổ chức và hoạt động theo nhiều cách thức khác nhau, nên cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước rất phức tạp. Bởi với mỗi loại cơ quan, thậm chí với mỗi cơ quan nhà nước cần phải thiết lập những phương thức kiểm soát khác nhau phù hợp với vị trí, tính chất, chức năng của chúng trong quá trình thực hiện quyền lực nhà nước thì việc kiểm soát mới có hiệu quả. Thông thường, quyền lực nhà nước được phân định thành quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp và giao cho các cơ quan khác nhau của Nhà nước thực hiện. Vì vậy, đối với mỗi loại quyền lực nhà nước cần phải thiết lập một cơ chế kiểm soát có tính chất bộ phận phù hợp để kiểm soát. Chẳng hạn, cơ chế kiểm soát quyền lập pháp, cơ chế kiểm soát quyền hành pháp, cơ chế kiểm soát quyền tư pháp. Với mỗi cơ chế kiểm soát có tính chất bộ phận đó có sự xác định khác nhau về chủ thể tham gia kiểm soát, nội dung, hình thức, quy trình... kiểm soát sao cho phù hợp với việc tổ chức và thực hiện quyền lực đó, có như vậy mới bảo đảm tính hiệu quả trong kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung. Như vậy, có thể nói, trong cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước gồm nhiều các tiểu cơ chế có tính chất bộ phận kiểm soát đối với từng bộ phận quyền lực nhà nước như quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp.

Giữa cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung với các cơ chế bộ phận, giữa các cơ chế bộ phận với nhau và giữa chúng với các cơ chế nhỏ hơn luôn có sự liên hệ, ảnh hưởng qua lại đa chiều rất phức tạp. Song, chúng luôn phải thống nhất với nhau tạo thành một chỉnh thể để bảo đảm cho sự tồn tại, vận hành thống nhất vì mục đích của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung bảo đảm cho quyền lực nhà nước ở bất cứ nhánh nào, do cơ quan nào thực hiện cũng luôn được kiểm soát tốt nhất. Với cách tiếp cận trên cho thấy, cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước là tổng hợp của nhiều “cơ chế kiểm soát có tính chất bộ phận” nhằm đạt được mục đích chung là tất cả các nhánh quyền lực nhà nước (quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp) ở các phạm vi khác nhau đều được kiểm soát, bảo đảm cho quyền lực nhà nước luôn

thống nhất, luôn được tổ chức và thực hiện đúng bởi tất cả các cơ quan, nhân viên nhà nước.

Trong mối quan hệ đa chiều giữa cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung với các cơ chế bộ phận và giữa các cơ chế bộ phận với nhau phải luôn đảm bảo cho các cơ chế có được tính thống nhất dưới một chỉnh thể, đồng thời, có sự phân công và sự phối hợp với chức năng, nhiệm vụ trong quá trình thực hiện mục tiêu chung là kiểm soát quyền lực nhà nước để quyền lực nhà nước được thực hiện đúng và hiệu quả. Cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực của các cơ quan nhà nước được xem là cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước của Nhà nước. Như vậy, không chỉ phức tạp mà cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước còn rất đa dạng, ở mỗi quốc gia trên thế giới có sự thiết lập khác nhau về cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước và ở mỗi giai đoạn phát triển khác nhau cơ chế này cũng có thể có những thay đổi nhất định.

Thông thường, mỗi quốc gia đều có những quy định khá chặt chẽ và đầy đủ về cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, song, không phải khi nào những quy định đó cũng có thể trở thành hiện thực, quyền lực nhà nước không phải khi nào cũng được kiểm soát chặt chẽ và đầy đủ. Lý do của hiện tượng này có thể là các thể chế quy định chưa thật đầy đủ về vấn đề này, không tồn tại các điều kiện bảo đảm cho các quy định về kiểm soát quyền lực nhà nước được thực hiện trong thực tế (nhiều chủ thể không có điều kiện thực hiện hoặc không quan tâm đến việc kiểm soát quyền lực nhà nước); các chủ thể bị kiểm soát không muốn bị kiểm soát, tìm cách trốn tránh việc kiểm soát.

Cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước là một hiện tượng năng động, linh hoạt luôn không ngừng phát triển và hoàn thiện. Cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước được hình thành và phát triển là một quá trình lâu dài, khó khăn. Đó là kết quả của quá trình nhận thức, của sự đấu tranh vì lợi ích giữa các lực lượng xã hội khác nhau. Mỗi quốc gia tùy theo các giai đoạn phát triển khác nhau, phù hợp với điều kiện phát triển của mình sẽ xây dựng các cơ chế khác nhau để kiểm soát đối với quyền lực nhà nước.

Chủ thể, nội dung, hình thức, quy trình kiểm soát quyền lực nhà nước trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung, đối với mỗi loại quyền lực nhà nước nói riêng được các thể chế quy định rất chặt chẽ. Các chủ thể của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước là những tổ chức và cá nhân có thẩm

quyền, nghĩa là theo quy định của pháp luật họ có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm kiểm soát quyền lực nhà nước. Nội dung kiểm soát quyền lực nhà nước đối với mỗi loại quyền lực lập pháp, hành pháp, tư pháp được pháp luật quy định khác nhau và chủ thể kiểm soát chỉ có thể kiểm soát đối với những nội dung đó và trong những phạm vi nhất định mà pháp luật quy định. Khi tiến hành kiểm soát trên thực tế chủ thể có thẩm quyền kiểm soát quyền lực nhà nước phải tuân theo đầy đủ và chính xác các hình thức, quy trình kiểm soát đã quy định. Đối tượng bị kiểm soát là các tổ chức và cá nhân nắm giữ và thực hiện quyền lực nhà nước, nguyên tắc, tất cả các tổ chức, cá nhân tham gia nắm giữ và thực hiện quyền lực nhà nước đều phải bị kiểm soát. Quá trình kiểm soát quyền lực nhà nước nếu phát hiện ra những sai sót, hoặc những biểu hiện của việc sử dụng quyền lực nhà nước không đúng, không hiệu quả cần phải có những giải pháp xử lý khá phức tạp. Pháp luật quy định những hậu quả pháp lý bất lợi có thể áp dụng đối với các chủ thể thực hiện không đúng hoặc không hiệu quả quyền lực nhà nước được giao.

Theo quy luật chung thì cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước sẽ được hoàn thiện dần, làm cho quyền lực nhà nước ngày càng được tổ chức và thực hiện đúng pháp luật, được sử dụng có hiệu lực và hiệu quả hơn.

3. Các yếu tố của cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước

Cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước gồm các yếu tố sau: thể chế pháp lý, thiết chế kiểm soát quyền lực nhà nước, đối tượng bị kiểm soát; sự tương tác giữa các yếu tố của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước (sự vận hành của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước).

3.1. Thể chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước

Thể chế là một hệ thống các quy tắc hành xử do con người sáng tạo ra để quản lý và định hình các tương tác giữa con người với nhau, thông qua đó giúp họ hình thành những kỳ vọng về những điều mà người khác sẽ làm. Thể chế kiểm soát quyền lực nhà nước là toàn bộ các quy định, quy tắc ràng buộc hành vi của con người liên quan đến quá trình kiểm soát quyền lực nhà nước. Chúng có thể là những quy định, quy tắc điều chỉnh hành vi của cá nhân con người, hoạt động của các cơ quan nhà nước, tập thể, tổ chức, cộng đồng, xã hội. Thể chế kiểm soát quyền lực nhà nước sinh ra do nhu cầu kiểm soát quyền lực nhà nước vì sự tồn tại và phát triển của đất nước. Thông thường, thể chế pháp lý kiểm soát

quyền lực nhà nước được quy định trong Hiến pháp, luật và các văn bản dưới luật liên quan đến việc tổ chức, thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước. Bao gồm các quy định của Hiến pháp, pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước; các quy định về thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm sát việc thực hiện quyền lực nhà nước; các quy định về thẩm quyền, nguyên tắc, nội dung, hình thức, trình tự kiểm soát quyền lực nhà nước...

Thể chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước là điều kiện cần thiết của đời sống nhà nước và xã hội, là phương tiện để quản lý xã hội, tổ chức các thiết chế xã hội (nhà nước và các thiết chế xã hội khác) và các hoạt động chung của con người. Thể chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước có tác dụng phối hợp các hoạt động riêng rẽ của các tổ chức, cơ quan, cộng đồng và cá nhân trong xã hội liên quan đến việc kiểm soát quyền lực nhà nước vì lợi ích con người, vì sự hùng mạnh của Nhà nước, sự ổn định và phát triển xã hội. Thể chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước có rất nhiều loại, nhưng quan trọng nhất là Hiến pháp và luật. Thể chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước có vai trò, tác dụng quy định về:

Các nguyên tắc kiểm soát quyền lực nhà nước việc kiểm soát quyền lực nhà nước phải tiến hành theo những nguyên tắc nhất định thì hiệu lực và hiệu quả mới cao, mỗi quốc gia có quy định các nguyên tắc khác nhau đối với việc kiểm soát quyền lực nhà nước.

Chủ thể kiểm soát quyền lực nhà nước và đối tượng bị kiểm soát: các chủ thể có thẩm quyền kiểm soát; cơ cấu tổ chức bên trong của mỗi chủ thể tham gia kiểm soát; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nội dung, phạm vi, hình thức, đối tượng kiểm soát của mỗi chủ thể tham gia kiểm soát quyền lực nhà nước; nghĩa vụ, trách nhiệm của các đối tượng bị kiểm soát; quy định các biện pháp có thể áp dụng của chủ thể kiểm soát đối với đối tượng bị kiểm soát...

Có thể nói, quyền lực được kiểm soát thông qua hai yếu tố chủ yếu là tổ chức và hoạt động, trong đó “yếu tố tổ chức có ý nghĩa quan trọng nhất, bởi vì đây là khởi điểm cho việc sử dụng cũng như kiểm soát quyền lực”. Quá trình lựa chọn người nắm giữ và thực hiện quyền lực nhà nước có ảnh hưởng rất lớn đến mục đích, hiệu quả thực hiện quyền lực nhà nước và hiệu quả kiểm soát. Do vậy, quyền lực nhà nước do ai nắm giữ, nắm giữ bằng cách nào, trong điều kiện nào

và nhằm mục đích gì... luôn là một trong những nội dung quan trọng cần được kiểm soát, nếu không sẽ dẫn đến tình trạng tha hóa quyền lực.

Việc hoạch định, ban hành và thực thi chính sách của nhà nước; việc ban hành, sửa đổi các văn bản luật; giới hạn phạm vi hoạt động của quyền lực nhà nước, cơ quan, nhân viên nhà nước. Trong những trường hợp nhất định, pháp luật của nhiều nước quy định nhân dân có thể trực tiếp tiến hành một số các hoạt động nói trên. Tuy nhiên, việc hoạch định, ban hành và thực thi chính sách của Nhà nước, ban hành, sửa đổi các văn bản luật không phải khi nào cũng do toàn thể Nhân dân tiến hành nên pháp luật thường quy định chúng sẽ được thực hiện thông qua một số cơ quan, nhân viên của Nhà nước và một số tổ chức chính trị - xã hội trong đất nước. Còn Nhân dân có thể được biết, được bàn và được kiểm tra để bảo đảm: các hoạt động nói trên diễn ra theo đúng các quy trình đã quy định; các chính sách, Hiến pháp, các văn bản luật phản ánh được ý chí, nguyện vọng, lợi ích của chủ thể quyền lực; không gây hại, không đi ngược lại với lợi ích của chủ thể quyền lực cũng như của toàn xã hội.

Gắn liền với những nội dung kiểm soát trên, pháp luật còn quy định giới hạn phạm vi hoạt động của quyền lực nhà nước thông qua việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn (thẩm quyền) của cơ quan, nhân viên nhà nước với tinh thần: “Nhà nước, các cơ quan, nhân viên nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật (tức chủ thể quyền lực) cho phép”, họ phải tổ chức và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật. Các chủ thể được ủy quyền chỉ được hoạt động trong phạm vi những gì được chủ thể quyền lực ủy quyền cho phép. Trong những trường hợp phức tạp, chủ thể thực hiện quyền lực nhà nước khó khăn, không thể tự quyết định được hoặc không được phép quyết định thì họ phải tham khảo ý kiến hoặc đề nghị chủ thể quyền lực quyết định thông qua việc trưng cầu ý chí của chủ thể quyền lực.

Hoạt động thực tiễn thực hiện quyền lực nhà nước của các chủ thể theo quy định của pháp luật. Mặc dù pháp luật đã quy định khá chặt chẽ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, nhân viên nhà nước, song trên thực tế, việc tổ chức và hoạt động của một số cơ quan, hoạt động của một số nhân viên nhà nước vẫn vi phạm pháp luật, gây những hậu quả khôn lường. Do vậy, pháp luật còn quy định các biện pháp kiểm soát đối với công tác tổ chức và hoạt động của mỗi cơ quan nhà nước phải được tiến hành thường xuyên, liên tục nhằm

phát hiện những hạn chế, bất cập, những hiện tượng tiêu cực có thể xảy ra trong quá trình tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước trên thực tế.

Hình thức kiểm soát quyền lực nhà nước, trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước thường xác định rõ các hình thức kiểm soát quyền lực nhà nước. Thông thường, pháp luật quy định việc kiểm soát quyền lực nhà nước được tiến hành thông qua các hoạt động cơ bản sau: ban hành các văn bản pháp luật, đặc biệt là Hiến pháp và luật; bầu cử, bổ nhiệm những chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước; hoạt động báo cáo của các cơ quan, nhân viên nhà nước; hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm sát; hoạt động chất vấn, điều trần, bỏ phiếu bất tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm..., trưng cầu ý dân; hoạt động phản biện xã hội và rất nhiều các hoạt động khác mà Hiến pháp và pháp luật của mỗi quốc gia trên thế giới quy định. Việc quy định và sử dụng hình thức nào là phụ thuộc vào mỗi quốc gia và ở mỗi giai đoạn phát triển khác nhau, tất cả chúng đều nhằm mục đích bảo đảm để quyền lực nhà nước luôn được các cơ quan, nhân viên nhà nước tổ chức và hoạt động đúng Hiến pháp, pháp luật, đúng mục đích và hiệu quả. Ngoài ra, trong thể chế pháp lý còn quy định cả quy trình vận hành của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước.

3.2. Thiết chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước bao gồm chủ thể kiểm soát và đối tượng bị kiểm soát

a) Chủ thể kiểm soát quyền lực nhà nước

Các chủ thể kiểm soát quyền lực nhà nước trong cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước được xác định khá đa dạng, ở mỗi nước khác nhau và ở mỗi giai đoạn khác nhau có sự quy định khác nhau. Chủ thể là các cơ quan nhà nước. Các cơ quan nhà nước không chỉ thực hiện quyền lực nhà nước mà còn tham gia kiểm soát quyền lực nhà nước. Có thể nói, kiểm soát quyền lực nhà nước bằng các cơ quan nhà nước, nhất là các cơ quan chuyên môn là hiệu quả nhất, không một quốc gia nào trên thế giới không thực hiện.. Pháp luật khi xác định nhiệm vụ, quyền hạn cho các cơ quan, nhân viên nhà nước luôn quy định các cơ quan nhà nước phải kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước. Chẳng hạn, cơ quan nhà nước cấp trên phải kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước của cơ quan nhà nước cấp dưới, thủ trưởng phải kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước của nhân viên để bảo đảm cả bộ máy đều thực hiện quyền lực nhà nước thống nhất, đúng pháp luật, đúng mục đích mong muốn. Mỗi cơ quan nhà nước có thể

tự mình kiểm soát, có thể thành lập các bộ phận, các cơ quan giúp việc hoặc cơ quan chuyên môn thực hiện việc kiểm soát, thậm chí có thể thành lập các thiết chế độc lập để tiến hành kiểm soát một số hoạt động nhất định của các cơ quan nhà nước trong thực hiện quyền lực nhà nước.

Chủ thể là xã hội; Nhân dân; Các tổ chức phi nhà nước, đặc biệt là tổ chức đảng cầm quyền; Các cơ quan thông tin, tuyên truyền; Cá nhân...

b) Đối tượng bị kiểm soát

Đối tượng bị kiểm soát trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước về nguyên tắc phải là tất cả các tổ chức, cá nhân nắm giữ và thực hiện quyền lực nhà nước. Đó có thể là nhà nước nói chung, tất cả các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước nói riêng. Tuy vậy, trên thực tế một số cơ quan nhà nước hoặc người đứng đầu nhà nước thường tìm cách loại trừ mình ra khỏi đối tượng bị kiểm soát khi thực hiện quyền lực nhà nước. Điều này thường dẫn đến sự lạm quyền, chuyên quyền, độc đoán khi thực hiện quyền lực nhà nước. Thực tiễn cũng cho thấy quyền lực thường có xu hướng tự mở rộng, tự tăng cường vai trò của mình, do vậy, cần phải luôn cảnh giác, đề phòng với những hạn chế, những cái xấu có thể có do việc nắm giữ và thực hiện quyền lực nhà nước, nên cần phải có cơ chế kiểm soát và phòng ngừa thường xuyên để tránh những sai lầm, những hiện tượng tiêu cực có thể xảy ra của bất kỳ một tổ chức, cá nhân nào trong suốt quá trình họ nắm giữ và thực hiện quyền lực nhà nước.

Tuy vậy, để tạo điều kiện cho một số chủ thể (người đứng đầu nhà nước, nghị sĩ, đại biểu quốc hội...) trong việc thực hiện quyền lực nhà nước, các quốc gia có thể đưa ra những quy định chỉ kiểm soát hạn chế đối với việc thực hiện quyền lực nhà nước của họ.

3.3. Sự tương tác giữa chủ thể kiểm soát, đối tượng bị kiểm soát trên cơ sở thể chế pháp lý kiểm soát (sự vận hành của cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước) để đạt được mục đích kiểm soát quyền lực nhà nước

Sự tương tác giữa chủ thể kiểm soát và chủ thể bị kiểm soát trên cơ sở các quy định của thể chế pháp lý kiểm soát chính là sự vận hành của cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước thể hiện ở sự tổ chức và mối quan hệ tương tác giữa chủ thể kiểm soát và đối tượng kiểm soát nhằm đạt được mục đích kiểm soát. Nói cách khác, đây là những biểu hiện thực tiễn của việc kiểm soát quyền

lực nhà nước. Cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước được vận hành bắt đầu từ việc tổ chức các thiết chế trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước đúng pháp luật và đúng quy trình vận hành của cơ chế (mối quan hệ tương tác giữa các thiết chế đó).

a) Việc tổ chức của các thiết chế trong cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước như trên đã nêu, quyền lực được kiểm soát thông qua hai yếu tố chủ yếu là tổ chức và hoạt động, trong đó yếu tố tổ chức có ảnh hưởng rất lớn tới việc kiểm soát và hiệu quả của việc kiểm soát, do vậy, để có thể vận hành một cách có hiệu quả đòi hỏi các thiết chế trong cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước phải được tổ chức đúng quy định của Hiến pháp, pháp luật để có thể thực hiện được nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong việc kiểm soát quyền lực nhà nước.

b) Quy trình vận hành của cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước: như trên đã nêu, quy trình vận hành của cơ chế kiểm soát đối với mỗi loại quyền lực, đối với mỗi nội dung kiểm soát, với mỗi hình thức kiểm soát cần được tiến hành theo những trình tự, thủ tục nhất định. Điều này được quy định rất khác nhau đối với mỗi vấn đề cần kiểm soát và mỗi quốc gia khác nhau cũng có quy định khác nhau. Tuy nhiên, một cách khái quát thì việc kiểm soát quyền lực nhà nước thường được vận hành theo quy trình sau:

Các chủ thể có thẩm quyền kiểm soát quyền lực nhà nước có thể theo định kỳ hoặc đột xuất nêu sáng kiến về việc kiểm soát đối với những vấn đề thuộc nội dung có thể kiểm soát và thông báo cho đối tượng bị kiểm soát. Đồng thời, chuẩn bị các điều kiện cần thiết bảo đảm cho hoạt động kiểm soát được tiến hành thuận lợi trên thực tế.

Đối tượng bị kiểm soát có thể tiến hành các hoạt động báo cáo, giải trình về vấn đề thuộc nội dung kiểm soát theo yêu cầu của chủ thể kiểm soát.

Các chủ thể có thẩm quyền kiểm soát sẽ tiến hành các hoạt động kiểm soát trên thực tế với những nội dung, hình thức theo quy định, có thể đưa ra các khuyến nghị, ban hành nghị quyết, quyết định về những hoạt động sẽ tiến hành hoặc các biện pháp sẽ áp dụng đối với đối tượng bị kiểm soát.

Tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết, các biện pháp cần thiết đối với đối tượng bị kiểm soát trên thực tế.

c) *Các biện pháp có thể áp dụng khi kiểm soát quyền lực nhà nước*, các biện pháp có thể áp dụng khi kiểm soát quyền lực nhà nước được quy định rất đa dạng, thông thường có các biện pháp như: thuyết phục, khuyến nghị đối tượng thực hiện hoặc không thực hiện những hoạt động nào đó; thuyết phục đối tượng tự xin từ chức; yêu cầu đối tượng phải đình chỉ, sửa đổi, hủy bỏ văn bản hoặc hoạt động sai trái; khiển trách, cảnh cáo, chuyển đi làm công việc khác, buộc từ chức; buộc phải khôi phục lại tình trạng cũ; giải tán cơ quan; cách chức, truy tố đối tượng...

d) *Mục đích, kết quả mà cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước cần đạt được*

Sự vận hành của cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước cũng biểu hiện ở mục đích của cơ chế (kết quả mà cơ chế mong muốn đạt được) và kết quả thực tế đạt được của cơ chế. Mục đích chung mà cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước đạt được chính là quyền lực nhà nước được tổ chức và thực hiện đúng hiến pháp và pháp luật, khoa học, có hiệu quả vì lợi ích của lực lượng cầm quyền và vì lợi ích của cả xã hội. Kết quả mà cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước đạt được là những gì mà cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước vận hành mang lại được xem xét, đánh giá trên thực tế theo thời gian, theo đối tượng, theo nội dung, hình thức.

4. Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước

Ảnh hưởng đến cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước có rất nhiều yếu tố, trong đó có các yếu tố cơ bản sau:

4.1. Nhận thức và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, Nhân dân đối với cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước

Có thể nói, yếu tố nhận thức là yếu tố quan trọng hàng đầu vì nó chỉ đạo việc xây dựng Hiến pháp, pháp luật, thiết kế cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước sao cho có hiệu quả. Đối tượng cần nhận thức là rất nhiều, song, cần tập trung vào các vấn đề như: quyền lực nhà nước là gì, quyền lực nhà nước xuất phát từ đâu, quyền lực nhà nước thuộc về ai, quyền lực nhà nước được tổ chức như thế nào; sự cần thiết phải kiểm soát quyền lực nhà nước, tầm quan trọng của việc kiểm soát quyền lực nhà nước; nguyên tắc kiểm soát quyền lực nhà nước,

cách thức kiểm soát quyền lực nhà nước; chủ thể kiểm soát, hình thức kiểm soát, quy trình kiểm soát quyền lực nhà nước; cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước gồm những thành tố gì, nó cần vận hành như thế nào cho có hiệu quả... Những vấn đề nêu trên có ảnh hưởng rất lớn đến cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước. Những tri thức đó trước hết phục vụ cho việc hoạch định chính sách và xây dựng pháp luật đối với việc kiểm soát quyền lực nhà nước, thiết lập cơ chế kiểm soát sao cho có hiệu quả.

Việc nhận thức nhà nước, các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước đối với vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện quyền lực nhà nước của họ và chất lượng kiểm soát của họ. Nhận thức của các tổ chức chính trị - xã hội như: Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn... về quyền lực nhà nước và kiểm soát quyền lực nhà nước sẽ ảnh hưởng đến tính chủ động, tích cực của họ trong tham gia bầu cử, thực hiện phản biện xã hội và giám sát xã hội đối với các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trong việc thực hiện quyền lực nhà nước vì lợi ích xã hội. Nhận thức của các nhà khoa học, các chuyên gia, những người hành nghề luật có ý nghĩa rất lớn đến việc truyền bá, đề xuất những tư tưởng, quan điểm về vấn đề tổ chức, thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước. Nhận thức của các nhà khoa học, các chuyên gia luôn có ảnh hưởng rất lớn tới sự định hướng xã hội về kiểm soát quyền lực nhà nước.

Ý thức và nhận thức của Nhân dân đối với việc kiểm soát quyền lực nhà nước có ảnh hưởng rất lớn tới cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước. Bởi: Thứ nhất, Nhân dân sẽ luôn quan tâm và chủ động giám sát các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước với vai trò là chủ thể của quyền lực nhà nước, người ủy quyền cho Nhà nước, các cơ quan nhà nước thực hiện quyền lực nhà nước; thứ hai, Nhân dân giúp đỡ các cơ quan nhà nước, tích cực tham gia cùng các Cơ quan nhà nước thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước.

4.2. Các yếu tố pháp lý liên quan đến kiểm soát quyền lực nhà nước

Sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật thực định nói chung, của các quy định pháp luật liên quan đến kiểm soát quyền lực nhà nước nói riêng. Điều kiện đặc biệt quan trọng bảo đảm hiệu quả của cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước của các cơ quan nhà nước là sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật thực định, nhất là các quy định liên quan đến kiểm soát quyền lực nhà nước tạo cơ sở

pháp lý cho các hoạt động kiểm soát quyền lực nhà nước. Trước hết là các quy định của Hiến pháp về các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước phải phù hợp, khoa học, các luật tổ chức bộ máy nhà nước như Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật Tổ chức chính quyền địa phương... phải hoàn thiện để mỗi cơ quan nhà nước nói riêng, toàn bộ bộ máy nhà nước nói chung được tổ chức và hoạt động khoa học, năng động, có khả năng hoàn thành đầy đủ chính xác chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Các quy định pháp luật về các biện pháp xử lý trong quá trình kiểm soát quyền lực nhà nước đối với những sai trái của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước phải được quy định đầy đủ, đủ khả năng để răn đe, trừng phạt đối với các chủ thể có hành vi sai trái. Các văn bản, các quy định pháp luật hoàn thiện đòi hỏi phải bảo đảm được những tiêu chuẩn, những yêu cầu nhất định như tính phù hợp, tính toàn diện, tính đồng bộ, tính khả thi và trình độ kỹ thuật pháp lý cao, đáp ứng được những nhu cầu của cuộc sống đang đặt ra. Mỗi văn bản quy phạm pháp luật phải được xây dựng trên cơ sở những thành tựu khoa học pháp lý mới nhất với một trình độ kỹ thuật lập pháp cao và có tính đến những quy định của luật pháp quốc tế, cũng như kinh nghiệm của các quốc gia khác liên quan đến tổ chức, thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước

Các quy định pháp luật phải được thể hiện một cách chặt chẽ, rõ ràng, chính xác, tránh những thiếu sót, sơ hở có thể bị lợi dụng trong quá trình thực hiện và áp dụng. Các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành các văn bản luật phải được ban hành đầy đủ, để khi văn bản luật có hiệu lực thì đã có đủ các điều kiện thực hiện trên thực tế. Như vậy, sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật nói chung, của pháp luật liên quan đến kiểm soát quyền lực nhà nước nói riêng phải được thể hiện ở kết cấu khoa học và nội dung phù hợp, được trình bày chính xác dễ hiểu, dễ thực hiện và áp dụng, những mục đích đề ra luôn có tính hiện thực cao là một trong những điều kiện quan trọng bảo đảm cho hiệu quả của cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước.

Sự hoàn thiện của cơ chế thực hiện và áp dụng pháp luật. Đây là một trong những điều kiện quan trọng để bảo đảm hiệu quả của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước. Sau khi pháp luật đã được ban hành, vấn đề quan trọng trước tiên là phải tuyên truyền, phổ biến pháp luật tới các tầng lớp trong xã hội

để mọi người nắm bắt được nội dung, tinh thần các quy định của pháp luật, biết được những gì nên làm, những gì phải làm, những gì có thể làm được, những gì không được làm... từ đó, mỗi chủ thể sẽ tự giác thực hiện pháp luật. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tổ chức thực hiện pháp luật có năng lực tổ chức và có trách nhiệm với công việc. Các cơ quan áp dụng pháp luật phải thông thạo về nghiệp vụ trong việc giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền và ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm cao của các nhà chức trách.

Hoạt động thực hiện và áp dụng pháp luật phải luôn bảo đảm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tất cả các mắt xích, các công đoạn, thực hiện nghiêm túc những quy định và yêu cầu của pháp luật, đấu tranh không khoan nhượng với những biểu hiện vi phạm pháp luật, những hành vi áp dụng pháp luật không đúng, không phù hợp. Trong hoạt động áp dụng pháp luật, ngoài việc tuân theo pháp luật, dựa trên cơ sở những sự kiện khách quan thì yếu tố chủ quan là niềm tin nội tâm của những người trực tiếp áp dụng pháp luật cũng có ý nghĩa rất lớn.

Xuất phát từ ý thức pháp luật của mình, những người trực tiếp áp dụng pháp luật tiến hành cụ thể hóa, cá biệt hóa mục đích của pháp luật cho trường hợp cụ thể cần thu thập, chuẩn bị những điều kiện để áp dụng và đưa ra những quyết định giải quyết từng bước hoặc cuối cùng đối với sự việc. Do vậy, cần có những hoạt động kiểm tra, giám sát thật chặt chẽ quá trình áp dụng pháp luật, đồng thời phải có những biện pháp xử lý nghiêm minh những hành vi cố ý áp dụng pháp luật không đúng, không phù hợp với mục đích pháp luật quy định cho trường hợp đó. Hoạt động áp dụng pháp luật phải được củng cố hoàn thiện và phát triển cùng với sự hoàn thiện, phát triển của hệ thống pháp luật, việc nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

Ý thức pháp luật, văn hóa pháp lý trong xã hội. Trong quá trình kiểm soát quyền lực nhà nước thì trình độ ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân là một trong những điều kiện quan trọng để bảo đảm hiệu quả của cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước. Chủ thể kiểm soát và đối tượng bị kiểm soát càng đòi hỏi phải có ý thức pháp luật cao. Ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, đặc biệt là những người giữ các chức vụ, quyền hạn cao trong bộ máy nhà nước lại càng phải cao. Khi chủ thể có những nhận thức pháp luật cần thiết họ sẽ có niềm tin vào pháp

luật, vào những hoạt động hợp pháp của mình, thấy được giá trị của việc tôn trọng và thực hiện chính xác, đầy đủ các quy định pháp luật, từ đó tự giác tuân theo pháp luật, vận động người khác cùng làm theo pháp luật.

Các cơ quan nhà nước luôn phải sử dụng pháp luật vào quá trình hoạt động của mình (hoạt động trên cơ sở pháp luật, giải quyết các vấn đề của đời sống xã hội bằng pháp luật, kiểm soát các cơ quan khác trên cơ sở pháp luật). Do vậy, nếu ý thức pháp luật thấp thì khó có thể xây dựng và hoàn thiện được một hệ thống pháp luật khoa học, đồng thời, các chủ thể cũng khó có thể nhận thức, thực hiện và áp dụng pháp luật chính xác, có hiệu quả cao.

4.3. Các yếu tố chung về kinh tế, văn hóa - xã hội

Một nền kinh tế phát triển, ổn định là điều kiện quan trọng bậc nhất bảo đảm cho hiệu quả của cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước. Bất kỳ một hoạt động nhà nước nào cũng cần phải có những chi phí nhất định về con người tham gia, thời gian tiến hành, những chi phí về vật chất, kỹ thuật... do vậy, nếu kinh tế không phát triển, phát triển chậm sẽ dẫn đến chi phí cho hoạt động kiểm soát hạn chế thì sẽ ảnh hưởng không tốt đến sự vận hành, hiệu quả của cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước.

Cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước với mục đích cuối cùng là làm cho quyền lực nhà nước được thực hiện đúng, hiệu quả vì lợi ích của lực lượng cầm quyền và đất nước, do vậy, hiệu quả của cơ chế luôn phụ thuộc vào các điều kiện chính trị của đất nước.

Quyền lực nhà nước không chỉ mang tính giai cấp, tính chính trị mà còn mang tính xã hội, nó có vai trò quản lý xã hội vì lợi ích chung của toàn xã hội nên các yếu tố xã hội cũng là những điều kiện không kém phần quan trọng bảo đảm hiệu quả của cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước. Đó là sự tham gia tích cực, hiệu quả của các tổ chức chính trị - xã hội, các tập thể, các nhóm cộng đồng xã hội và gia đình vào các hoạt động xã hội, đặc biệt là hoạt động quản lý nhà nước, trong đó có hoạt động xây dựng và thực hiện pháp luật, hoạt động đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật trong bộ máy nhà nước vì một xã hội công bằng, văn minh, giàu mạnh. Trong các xã hội không có dân chủ thì các tổ chức xã hội, cả nhà người dân không thể cổ động tham gia kiểm soát quyền lực nhà nước.

Việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước dựa trên các nguyên tắc dân chủ như nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, đề cao chủ quyền nhân dân; nguyên tắc Nhân dân tham gia vào các hoạt động nhà nước; nguyên tắc tập trung dân chủ... Tư tưởng nhà nước pháp quyền ra đời để chống lại sự độc đoán, chuyên quyền, bảo vệ tự do của Nhân dân, chủ quyền Nhân dân. Để tránh hiện tượng chuyên quyền đòi hỏi phải hạn chế, kiểm soát quyền hạn của tất cả các cơ quan nhà nước nhằm bảo đảm an toàn cho công dân. Quyền lực nhà nước trong nhà nước pháp quyền phải bị ràng buộc bởi pháp luật, trật tự xã hội, quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với nhau, giữa Nhà nước với các tổ chức xã hội khác, giữa Nhà nước với công dân đều phải dựa trên cơ sở pháp luật... Do vậy, việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cũng là môi trường thuận lợi để Nhân dân tham gia kiểm soát quyền lực nhà nước,

4.4 Các yếu tố của chính cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước

Không chỉ chịu ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài, các thành tố của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước còn chịu ảnh hưởng lẫn nhau và ảnh hưởng chung tới chất lượng và hiệu quả của cả cơ chế. Điều này phụ thuộc vào việc xác định mục đích kiểm soát có rõ ràng, đúng đắn của mỗi thiết chế trong cơ chế; số lượng và chất lượng của nguồn nhân lực tham gia kiểm soát; nguồn lực phục vụ cho hoạt động kiểm soát (có đủ nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động kiểm soát; thời gian dành cho hoạt động kiểm soát đủ để tiến hành các hoạt động cần thiết có kết quả; các điều kiện về cơ sở vật chất như phương tiện đi lại, phương tiện thông tin liên lạc, các cơ sở vật chất khác); cách thức tổ chức thực hiện việc kiểm soát (có các hình thức kiểm soát phù hợp; các biện pháp xử lý cứng rắn để bảo đảm các chủ thể thực hiện quyền lực nhà nước không dám vi phạm...).

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp Việt Nam năm 2013
2. Võ Khánh Vinh: Nguyên tắc pháp quyền- Những vấn đề lý luận, Tạp chí Pháp luật và thực tiễn, số 4/2017